

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHÓA 5 (2017-2021)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/QĐ-ĐHKTCN ngày 21 tháng 8 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

Chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm
(Software Engineering)

Hệ đào tạo: Đại học chính quy - Tín chỉ

Mã ngành: 52480103

Thời gian đào tạo: 4 năm

Đơn vị quản lý: Khoa Công nghệ Thông tin

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 147 tín chỉ (Bắt buộc: 126 TC; Tự chọn: 21 TC)



STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước (a), song hành (b)
Kiến thức giáo dục đại cương					54	0			
1	CB003	Đại số tuyến tính	1	2	2		30	0	
2	CB004	Pháp luật đại cương	1	2	2		30	0	
3	CB007	Vật lý 1	1	2	2		30	0	
4	CB014	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1	1	2	2		30	0	
5	CB023	Anh văn căn bản 1	1	4	4		60	0	
6	CB029	TT Vật lý 1	1	1	1		0	30	
7	CB033	Giải tích 1	1	3	3		45	0	
8	TT052	Tin học đại cương	1	3	3		30	30	
9	CB012	Kỹ năng giao tiếp	2	2	2		30	0	
10	CB021	GDQP2: Công tác quốc phòng, an ninh (*)	2	2	2		30	0	
11	CB024	Anh văn căn bản 2	2	3	3		45	0	CB023(a)
12	CB015	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 2	2	3	3		45	0	CB014(a)
13	CB020	GDQP1: Đường lối quân sự của Đảng (*)	2	3	3		45	0	
14	CB022	GDQP3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC) (*)	2	3	3		30	45	
15	CB008	Vật lý 2	2	2	2		30	0	CB007(a)
16	CB030	TT. Vật lý 2	2	1	1		0	30	
17	CB034	Giải tích 2	2	3	3		45	0	CB033(a)
18	CB035	Giáo dục thể chất 1 (*)	2	1	1		0	30	
19	CB036	Giáo dục thể chất 2 (*)	2	1	1		0	30	
20	CB037	Giáo dục thể chất 3 (*)	2	1	1		0	30	
21	CB025	Anh văn căn bản 3	3	3	3		45	0	CB024(a)
22	CB016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	2	2		30	0	CB015(a)
23	CB006	Xác suất và thống kê	3	2	2		30	0	CB033(a)
24	CB017	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4	3	3		45	0	CB016(a)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước (a), song hành (b)
Kiến thức cơ sở ngành					29	2			
1	TT004	Kỹ thuật lập trình	2	3	3		30	30	TT052(a)
2	TT006	Mạng máy tính	2	3	3		30	30	
3	TT001	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	3	3		30	30	TT004(a)
4	TT003	Kiến trúc máy tính	3	3	3		30	30	
5	TT007	Cơ sở dữ liệu	3	3	3		30	30	TT004(a)
6	TT008	Lập trình hướng đối tượng	3	3	3		30	30	TT004(a)
7	TT002	Toán rời rạc	4	3	3		45	0	
8	TT005	Hệ điều hành	4	3	3		30	30	TT003(a)
9	TT009	Trí tuệ nhân tạo	4	3	3		30	30	TT001(a)
10	TT040	Nhập môn công nghệ phần mềm	4	2	2		30	0	
11	TT018	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	5	2		2	15	30	TT007(a)
12	TT033	An toàn phần mềm và hệ thống	5	2			15	30	TT005(a)
Kiến thức chuyên ngành					43	19			
1	TT012	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	3	3		30	30	TT007(a)
2	TT014	Phân tích và thiết kế HTTT	4	3	3		30	30	TT007(a)
3	TT021	Lập trình Java 1	5	2	2		15	30	TT004(a)
4	TT023	Phần mềm mã nguồn mở	5	2	2		15	30	TT004(a)
5	TT053	Kiến trúc phần mềm	5	3	3		30	30	
6	TT071	Lập trình an toàn	5	3	3		30	30	TT008(a)
7	TT059	Đồ án Kỹ thuật phần mềm 1	5	2	2		0	90	
8	TT015	Quản trị dự án CNTT	6	2	2		15	30	
9	TT057	Đảm bảo chất lượng phần mềm	6	4	4		30	60	
10	TT058	Bảo trì phần mềm	6	3	3		30	30	
11	TT056	Kiểm thử phần mềm	6	3	3		30	30	
12	TT060	Đồ án Kỹ thuật phần mềm 2	6	2	2		0	90	
13	CB018	Phương pháp nghiên cứu khoa học	6	2		2	30	0	
14	TT072	Kinh tế kỹ thuật phần mềm	6	2			30	0	
15	TT051	Thương mại điện tử	6	2			30	0	
16	TT073	Thực tập tốt nghiệp	7	2	2		0	90	
17	TT079	Kiểm soát chất lượng phần mềm	7	4	4		30	60	TT004(a) TT057(a)
18	TT078	Quản trị dự án phần mềm	7	3	3		30	30	
19	TT061	Đồ án Kỹ thuật phần mềm 3	7	2	2		0	90	TT060(a)
20	TT017	Hệ trợ giúp quyết định	7	2		7	15	30	
21	TT024	Lập trình Java 2	7	2			15	30	TT021(a)
22	TT034	Quản lý an ninh thông tin	7	2			15	30	
23	TT039	Công nghệ XML & ứng dụng	7	3			15	60	TT004(a)
24	TT022	Lập trình Web	7	3			30	30	
25	TT036	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	7	3			30	30	
26	TT049	Tương tác người - máy	7	3			30	30	
27	TT074	Luận văn tốt nghiệp	8	10		10	0	450	
28	TT075	Tiểu luận tốt nghiệp	8	4			0	180	
29	TT029	Xây dựng và triển khai ứng dụng TMĐT	8	3			30	30	TT004(a)
30	TT077	Lập trình mô phỏng	8	3			30	30	TT007(a)
31	TT076	Phát triển ứng dụng với mã nguồn mở	8	3			15	60	TT023(a)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước (a), song hành (b)
32	TT093	Hệ CSDL NoSQL	8	2			30	0	
33	TT094	Điện toán đám mây	8	2			30	0	

(*) Học phần điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

Thuan

Cần Thơ, ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO KHOA



Dương Thái Công

Chuan

